

**CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN**

**CƠ SỞ HẠ TẦNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2007**

*Đã được kiểm toán*

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: 031 387 0577 Fax: 031 387 0576

---

## MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: 031 387 0577 Fax: 031 387 0576

---

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007*

Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 như sau:

### 1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (CINDE) (dưới đây viết tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 055555 đăng ký lần đầu ngày 02/6/1999 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/3/2003.

Trụ sở Công ty đặt tại khu điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: **5.410.000.000** đồng (Năm tỷ bốn trăm mười triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Vốn góp của Nhà nước: 488.160.000 đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).
- Vốn góp của cổ đông: 4.921.840.000 đồng (Bốn tỷ, chín trăm hai mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

### 2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước;
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao thế, hạ thế đến cấp điện áp 35KV;
- Kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản; khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, gia công cơ khí;

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007*

### **3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty**

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Trần Duy Hải	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thiện	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Huy	Thành viên

#### **Ban Giám đốc Công ty**

Ông Trần Duy Hải	Giám đốc
Ông Vũ Xuân Huy	Phó Giám đốc thường trực
Ông Trần Hải Nguyên Long	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh
Ông Trương Trọng Tín	Kế toán trưởng

### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

### **5. Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

### **6. Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2007; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- o Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- o Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- o Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- o Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007*

### **6. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)**

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm kiểm toán, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

*Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2008*

**Giám đốc**

**Trần Duy Hải**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:**       **GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC), đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (sau đây viết tắt là "Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 được trình bày từ trang 06 đến trang 20.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này, căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

### ***Hạn chế***

- Tới thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa nhận được đầy đủ các thông tin liên quan việc đối chiếu, xác nhận các khoản phải thu của khách hàng tại thời điểm 31/12/2007 đối với Công ty Xây dựng và Đầu tư hạ tầng (số tiền 3.374.480.068 đồng, gồm 3.106.059.068 đồng tại công trình Đường 353 Cầu Rào - Đồ Sơn, 228.321.000 đồng tại công trình Trường Đại học Y). Với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi cũng chưa thể khẳng định về số liệu các chỉ tiêu này.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính vì những lý do trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính (kèm theo) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2007, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan.

**Kiểm toán viên**

**Giám đốc**

**Nguyễn Thị Thanh Huế**  
Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV

**Đào Tiến Đạt**  
Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11,228,152,608</b>	<b>9,182,883,111</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3,106,774,760</b>	<b>1,855,996,359</b>
1. Tiền	111	V.1	3,106,774,760	1,855,996,359
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>450,000,000</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121	V.2	450,000,000	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6,461,986,745</b>	<b>6,296,641,155</b>
1. Phải thu khách hàng	131		4,799,081,238	5,666,816,111
2. Trả trước cho người bán	132		1,503,936,097	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	317,844,549
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	158,969,410	311,980,495
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1,209,391,103</b>	<b>450,153,100</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	1,209,391,103	450,153,100
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>0</b>	<b>580,092,497</b>
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		0	580,092,497
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12,518,333,999</b>	<b>11,951,338,856</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10,316,912,098</b>	<b>11,795,817,900</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	8,979,616,765	9,673,252,041
<i>Nguyên giá</i>	222		13,227,087,410	13,213,823,774
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4,247,470,645)	(3,540,571,733)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1,337,295,333	2,122,565,859
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>2,122,565,859</b>	<b>0</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		2,122,565,859	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>78,856,042</b>	<b>155,520,956</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	78,856,042	155,520,956
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>23,746,486,607</b>	<b>21,134,221,967</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.493.023.229</b>	<b>14.558.194.321</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.957.733.229</b>	<b>8.520.472.943</b>
1. Phải trả người bán	312		5.093.679.393	72.326.489
3. Người mua trả tiền trước	313		5.416.580.492	1.137.877.803
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	45.541.599	229.886.476
5. Phải trả người lao động	315		29.806.626	0
6. Chi phí phải trả	316	V.17	230.265.017	66.553.304
7. Phải trả nội bộ	317		0	5.180.946.357
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.141.860.102	1.832.882.514
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.535.290.000</b>	<b>6.037.721.378</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	5.535.290.000	6.037.721.378
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.253.463.378</b>	<b>6.576.027.646</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>6.166.441.725</b>	<b>6.470.695.095</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.410.000.000	5.410.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		54.755.669	54.755.669
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		155.111.000	125.111.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		546.575.056	880.828.426
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>87.021.653</b>	<b>105.332.551</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		87.021.653	105.332.551
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>23.746.486.607</b>	<b>21.134.221.967</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Đỗ Bích Phương*

*Trương Trọng Tín*

Đỗ Bích Phương

Trương Trọng Tín



*Trần Duy Hải*  
Trần Duy Hải

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2007

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>NĂM 2007 VND</b>	<b>NĂM 2006 VND</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	13,015,362,211	20,296,145,416
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>13,015,362,211</b>	<b>20,296,145,416</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	11,258,474,696	18,334,052,209
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1,756,887,515</b>	<b>1,962,093,207</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	66,810,826	28,694,200
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	301,541,617	537,360
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		300,168,417	0
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		788,902,967	775,431,611
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>733,253,757</b>	<b>1,214,818,436</b>
11. Thu nhập khác	31		720,000	500,000
12. Chi phí khác	32		9,800,000	37,836,000
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(9,080,000)</b>	<b>(37,336,000)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>60</b>		<b>724,173,757</b>	<b>1,177,482,436</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	101,384,326	164,847,541
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>70</b>		<b>622,789,431</b>	<b>1,012,634,895</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>			<b>1,151</b>	<b>1,872</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2008

**NGƯỜI LẬP****KẾ TOÁN TRƯỞNG****GIÁM ĐỐC**

Trương Trọng Tín

Trần Duy Hải

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2007

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2007 VND	NĂM 2006 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	19,322,853,159	23,514,990,911
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2,219,131,991)	(514,229,426)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(633,723,215)	(343,993,763)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(296,190,275)	(177,662,134)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(164,847,541)	(358,587,364)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	585,314,783	911,169,847
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13,112,361,589)	(16,618,963,281)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3,481,913,331</b>	<b>6,412,724,790</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(80,460,552)	(47,494,285)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,200,000,000)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	750,000,000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(530,460,552)</b>	<b>(47,494,285)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	100,000,000	1,072,792,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,062,431,378)	(5,510,178,359)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(738,243,000)	(590,620,800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1,700,674,378)</b>	<b>(5,028,007,159)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1,250,778,401</b>	<b>1,337,223,346</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1,855,996,359</b>	<b>518,773,013</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3,106,774,760</b>	<b>1,855,996,359</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2008

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Trương Trọng Tín

Trần Duy Hải

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (CINDE) (dưới đây viết tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 055555 đăng ký lần đầu ngày 02/6/1999 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/3/2003.

Trụ sở Công ty đặt tại khu điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: **5.410.000.000** đồng (Năm tỷ bốn trăm mười triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Vốn góp của Nhà nước: 488.160.000 đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).
- Vốn góp của cổ đông: 4.921.840.000 đồng (Bốn tỷ, chín trăm hai mươi một triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

**2- Lĩnh vực kinh doanh chính**

Trong năm tài chính 2007 lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây lắp các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước.

**3- Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước;
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao thế, hạ thế đến cấp điện áp 35KV;
- Kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng. Kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản; khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, gia công cơ khí;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**3- Hình thức kế toán áp dụng:**

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các Ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền được phản ánh trong Báo cáo tài chính là các khoản đầu tư ngắn hạn Công ty đang nắm giữ có thời hạn đáo hạn nhỏ hơn hoặc bằng 03 tháng kể từ ngày Công ty đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;

**3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:**

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đối với tài sản cố định khu nhà máy thép tiền chế, Công ty tạm ngừng trích khấu hao từ ngày 01/01/2007 để thực hiện sửa chữa, đầu tư theo Quyết định số 01/07/QĐ ngày 10/01/2007 của Hội đồng quản trị.

**5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

**6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

**7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:**

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

**8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; các khoản chi phí phải trả nhà thầu phụ của các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu nhưng Công ty chưa thực hiện việc quyết toán đối với các nhà thầu phụ này.

Cơ sở ghi nhận các khoản trích trước dựa vào khối lượng công việc tương ứng đã được ghi nhận doanh thu trong kỳ và đơn giá giao khoán trong các hợp đồng giao khoán nội bộ liên quan.

**11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá.

Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng được xác định căn cứ trên hóa đơn GTGT và phân bổ cho từng tháng theo hợp đồng cho thuê đã ký.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Năm 2006, Công ty bắt đầu thực hiện việc giảm thuế TNDN theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết chứng khoán.

**15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, đối với các khoản nợ phải thu khó đòi Công ty chưa tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 17/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

	<b>31/12/2007</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2007</b> <b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	38.192.842	66.686.633
Tiền gửi ngân hàng	3.068.581.918	1.789.309.726
<b>Cộng</b>	<b>3.106.774.760</b>	<b>1.855.996.359</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:**

	<b>31/12/2007</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2007</b> <b>VND</b>
Đầu tư ngắn hạn khác	450.000.000	0
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng</i>	<i>450.000.000</i>	<i>0</i>
<b>Cộng</b>	<b>450.000.000</b>	<b>0</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:**

	<b>31/12/2007</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2007</b> <b>VND</b>
Phải thu khác	158.969.410	311.980.495
<i>Phải thu Xi nghiệp xây dựng số 2</i>	<i>144.994.410</i>	<i>0</i>
<i>Lãi tài khoản ký quỹ</i>	<i>13.975.000</i>	<i>0</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>0</i>	<i>311.980.495</i>
<b>Cộng</b>	<b>158.969.410</b>	<b>311.980.495</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: 031 387 0577 Fax: 031 387 0576

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. Hàng tồn kho:**

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Công cụ, dụng cụ	8.764.110	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.200.626.993	450.153.100
<b>Cộng</b>	<b>1.209.391.103</b>	<b>450.153.100</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	10.218.209.048	2.333.771.660	546.086.571	115.756.495	13.213.823.774
Mua trong kỳ	0	0	0	13.263.636	13.263.636
Tăng khác	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.218.209.048</b>	<b>2.333.771.660</b>	<b>546.086.571</b>	<b>129.020.131</b>	<b>13.227.087.410</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	2.484.224.425	593.955.697	381.957.177	80.434.434	3.540.571.733
Khấu hao trong kỳ	593.680.968	11.700.612	82.217.316	19.300.016	706.898.912
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.077.905.393</b>	<b>605.656.309</b>	<b>464.174.493</b>	<b>99.734.450</b>	<b>4.247.470.645</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2007	7.733.984.623	1.739.815.963	164.129.394	35.322.061	9.673.252.041
Tại 31/10/2007	7.140.303.655	1.728.115.351	81.912.078	29.285.681	8.979.616.765

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:

53.267.067 VND

**11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Nhà điều hành sản xuất khu công nghiệp Vĩnh Niệm	0	2.122.565.859
Xưởng sản xuất số 3 - Nhà máy thép tiền chế	1.337.295.333	0
<b>Cộng</b>	<b>1.337.295.333</b>	<b>2.122.565.859</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: 031 387 0577 Fax: 031 387 0576

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12- Bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>0</b>	<b>2.122.565.859</b>	<b>0</b>	<b>2.122.565.859</b>
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà *	0	2.122.565.859	0	2.122.565.859
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>0</b>	<b>2.122.565.859</b>	<b>0</b>	<b>2.122.565.859</b>
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	2.122.565.859	0	2.122.565.859

\* Đây là khu nhà điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm tại Khu công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng, được chuyển sang bất động sản đầu tư theo Quyết định 02/QĐ ngày 10/10/2007 của Hội đồng quản trị nhằm mục đích bán hoặc cho thuê kể từ ngày 31/12/2007.

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	78.856.042	155.520.956
<b>Cộng</b>	<b>78.856.042</b>	<b>155.520.956</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Thuế giá trị gia tăng	28.157.274	149.038.935
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.384.325	80.847.541
<b>Cộng</b>	<b>45.541.599</b>	<b>229.886.476</b>

**17. Chi phí phải trả:**

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Chi phí lãi vay dài hạn ông Trần Duy Hải phải trả	70.728.706	66.553.304
Chi phí phải trả khác	159.536.311	0
<b>Cộng</b>	<b>230.265.017</b>	<b>66.553.304</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: 031 387 0577 Fax: 031 387 0576

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác:**

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	0	5.148.954
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.801.332	1.709.432
Phải trả khác	1.140.058.770	1.826.024.128
<b>Cộng</b>	<b>1.141.860.102</b>	<b>1.832.882.514</b>

**20. Vay và nợ dài hạn:**

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Vay dài hạn của ông Trần Duy Hải	5.535.290.000	6.037.721.378
<b>Cộng</b>	<b>5.535.290.000</b>	<b>6.037.721.378</b>

**22. Nguồn vốn chủ sở hữu:****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư năm trước	5.410.000.000	14.370.000	75.111.000	0	649.200.000	6.148.681.000
Tăng vốn năm	0	0	0	0	0	0
Lãi trong năm	0	0	0	0	1.012.634.895	1.012.634.895
Tăng khác	0	40.385.669	50.000.000	0	0	90.385.669
Giảm vốn trong năm	0	0	0	0	781.006.469	781.006.469
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>5.410.000.000</b>	<b>54.755.669</b>	<b>125.111.000</b>	<b>0</b>	<b>880.828.426</b>	<b>6.470.695.095</b>
Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0
Lãi trong kỳ	0	0	0	0	622.789.431	622.789.431
Tăng khác	0	0	30.000.000	9.000.000	0	39.000.000
Giảm khác	0	0	0	9.000.000	957.042.801	966.042.801
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.410.000.000</b>	<b>54.755.669</b>	<b>155.111.000</b>	<b>0</b>	<b>546.575.056</b>	<b>6.166.441.725</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Vốn góp của Nhà nước	488.160.000	488.160.000
Vốn góp của các đối tượng khác	4.921.840.000	4.921.840.000
<b>Cộng</b>	<b>5.410.000.000</b>	<b>5.410.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

	<b>31/12/2007</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2007</b> <b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	5.410.000.000	5.410.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	5.410.000.000	5.410.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>738.243.000</b>	<b>0</b>

**d. Cổ tức:**

Kết thúc kỳ kế toán năm 2007, Công ty chưa công bố cổ tức trên cổ phiếu cho năm tài chính 2007. Tuy nhiên, theo biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty, dự kiến mức cổ tức năm 2007 là 10% vốn điều lệ.

**đ. Cổ phiếu:**

	<b>31/12/2007</b> <b>(cổ phần)</b>	<b>01/01/2007</b> <b>(cổ phần)</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	541.000	541.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	541.000	541.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	541.000	541.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	492.184	492.184
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	492.184	492.184
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	541.000	541.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	541.000	541.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

- *Mệnh giá cổ phiếu tại đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần*

**e. Các quỹ của doanh nghiệp:**

	<b>31/12/2007</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2007</b> <b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	54.755.669	54.755.669
Quỹ dự phòng tài chính	155.111.000	125.111.000
<b>Cộng</b>	<b>209.866.669</b>	<b>179.866.669</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>13.015.362.211</b>	<b>20.296.145.416</b>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	12.039.774.211	19.338.849.691
Doanh thu cung cấp dịch vụ	975.588.000	957.295.725

**28. Giá vốn hàng bán:**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	10.465.882.249	17.623.296.563
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	792.592.447	710.755.646
<b>Cộng</b>	<b>11.258.474.696</b>	<b>18.334.052.209</b>

**29. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	66.710.201	14.572.161
Lãi cho các xí nghiệp vay	0	14.122.039
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	100.625	0
<b>Cộng</b>	<b>66.810.826</b>	<b>28.694.200</b>

**30. Chi phí tài chính:**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	300.168.417	0
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.373.200	537.360
<b>Cộng</b>	<b>301.541.617</b>	<b>537.360</b>

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	101.384.326	164.847.541
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>101.384.326</b>	<b>164.847.541</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:**

Theo Quyết định số 03/07/QĐ-HĐCĐ ngày 07/10/2007, Đại Hội đồng cổ đông đã quyết định phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 5.410.000.000 đồng lên 10.820.000.000 đồng theo quy định tại Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 03/3/2008, trong đó vốn điều lệ là 10.820.000.000 đồng.

**5- Thông tin so sánh:**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2006 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trương Trọng Tín

Trần Duy Hải